

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 (máy lẻ 247)
Email: namn@vcci.com.vn

3.2015



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Các thông tin cơ bản	2
2. Lịch sử	3
3. Tập quán:	3
II. KINH TẾ	4
1. Tổng quan:	4
2. Các chỉ số kinh tế:	4
3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	7
1. Hợp tác thương mại	7
2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào	8
3. Tình hình đầu tư:	8
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	9
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	9
1. Quan hệ ngoại giao:	9
2. Quan hệ chính trị:	9
3. Các văn kiện đã ký:	10
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	11
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH	11
PHỤ LỤC THAM KHẢO	
Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào	
Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào	



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào
Thể chế chính trị:	Lào đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển chế độ Dân chủ Nhân dân, tạo tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
Thủ đô:	Viên chăn
Ngày quốc khánh:	19 tháng 7 năm 1949
Đứng đầu nhà nước:	Chủ tịch nước Lt. Gen. CHOUMMALI Saignason . Phó Chủ tịch nước Boun Gnang Volachit (từ 8/6/2006)
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Thongsing Thammavong (24/10/2010); Phó Thủ tướng Thường trực Maj. Gen. Asang Laoli.
Các đảng phái chính trị:	Đảng nhân dân cách mạng Lào do ông Choumali Saignason lãnh đạo, các đảng phái khác không được phép thành lập
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, ARF, ASEAN, CP, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRC, ILO, IMF, Interpol, IOC, IPU, ISO (subscriber), ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO (observer)
Diện tích:	236,800 km ²
Khí hậu:	nhiệt đới gió mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.
Tài nguyên:	gỗ, khí đốt, thạch cao, thiếc, đá quý
Thủ đô:	Viên chăn



Dân số:	6,803,699 người
Tuổi trung bình:	22 tuổi
Dân tộc:	Lào (55%), Khmou (11%), Hmong (8%), hơn 100 dân tộc thiểu số khác (26%)
Tôn giáo:	Phật giáo (67%), Thiên chúa giáo (1.5)
Ngôn ngữ :	Lào, Pháp, Anh và một số tiếng dân tộc
Tỉ giá Kips/USD:	Kips (LAK) và US dollar – 8,052 (2014); 7,875.9 (2013); 8,138.1 (2012); 8,043.7 (2011); 8,258 (2010); 8,516 (2009).

2. Lịch sử

Năm 1893, thực dân Pháp xâm chiếm Lào.

Ngày 12-10-1945, nước Lào độc lập.

Đầu năm 1946, thực dân Pháp quay lại xâm lược Lào.

Tháng 7-1954, Pháp ký Hiệp định Geneva công nhận nền độc lập của Lào.

Từ năm 1955, Mỹ gây chiến tranh chống lại nhân dân Lào.

Ngày 21-2-1973, Hiệp định Vientiane lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết giữa Mặt trận yêu nước Lào và phái hữu Vientiane.

Ngày 2-12-1975, Đại hội Đại biểu Nhân dân Lào họp ở Vientiane tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Chính sách đối ngoại: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước; thắt chặt quan hệ hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới; tăng cường tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam.

3. Tập quán:

Người Lào thẳng thắn, cởi mở và thân thiện. Họ rất coi trọng sự lịch sự và tôn trọng. Người Lào chào hỏi nhau bằng cách đặt lòng bàn tay lên ngang ngực người kia (ở vị trí cầu nguyện), nhưng không được chạm vào cơ thể. Tay càng đặt lên cao, thì càng bày tỏ sự tôn trọng. Tuy nhiên, tay không được đưa lên cao hơn mũi. Khi chào kèm theo cúi nhẹ người thể hiện sự tôn trọng với người chức vụ hoặc tuổi tác cao hơn. Đây cũng là cách biểu hiện cảm ơn, hối tiếc, hoặc tạm biệt. Đối với người phương Tây, họ sẵn sàng bắt tay.

Không bao giờ được dùng chân để chỉ hoặc chạm vào người khác.



4. Du lịch:

Năm 2013, đã có khoảng 3.78 triệu lượt khách nước ngoài tới Lào (vượt cả con số kế hoạch mong đợi 3.5 triệu lượt vào năm 2014) tăng mạnh so với năm 2012 chỉ đạt 3.3 triệu lượt khách. Du lịch đóng góp cho nền kinh tế Lào ước tính 513.5 triệu USD.

Lượng khách quốc tế tới Lào nhiều nhất trong năm qua là Thái Lan với hơn 2 triệu lượt khách, tức là chiếm hơn 1 nửa tổng số khách quốc tế tới Lào.

Trong năm 2013, Hội đồng Châu Âu về Du lịch và Thương mại (ECTT) đã trao giải thưởng “Địa điểm du lịch tốt nhất thế giới năm 2013” cho Lào và đã giúp đất nước này phát triển du lịch một cách ấn tượng.

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeCont_39.htm

Năm 2014, Lào đã đón tiếp hơn 4.15 triệu lượt khách quốc tế, tăng khoảng 10% so với năm 2013. Lượng khách du lịch từ Thái Lan đến Lào là lớn nhất với hơn 2 triệu lượt người, sau đó là Việt Nam với hơn 1.1 triệu lượt người vào năm 2014.

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeConten_Tourist.htm

II. KINH TẾ

1. Tổng quan:

Chính phủ Lào bắt đầu có các chính sách cải cách kinh tế, giảm tập trung khuyến khích kinh tế tư nhân kể từ năm 1986. Nhờ có những biện pháp đổi mới này mà tốc độ tăng trưởng đã đạt 6% kể từ năm 88 đến 2008 (một vài năm bị ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 2007). Năm 2009, GDP Lào đã đạt mức tăng trưởng 6.5%. Mặc dù có tốc độ phát triển kinh tế khá quan, cơ sở vật chất hạ tầng của Lào vẫn còn yếu kém, đặc biệt là khu vực nông thôn, Hệ thống đường xá còn rất sơ khai, viễn thông, điện còn chưa cung cấp đầy đủ đến các vùng sâu vùng xa. Tính đến năm 2011, Kinh tế Lào vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp với tỷ trọng hơn 27.8% tổng số GDP và là nguồn cung cấp lao động chính (hơn 70%). Trong nửa cuối 2008 đầu 2009 Lào đã nhận khoảng 560 triệu đô la tiền viện trợ. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ 46% năm 1992 xuống 26% năm 2010. Nhờ có đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nhiệt điện, khai khoáng, xây dựng, nền kinh tế đã có những bước tiến đáng kể. Lào đã đạt được bình thường hóa quan hệ thương mại vào năm 2004 để chuẩn bị gia nhập Tổ chức kinh tế thế giới WTO. Về lĩnh vực tài chính, Lào đang nỗ lực để đảm bảo thu thuế do kinh tế thế giới có dấu hiệu đi xuống dẫn đến giảm thu nhập trong các dự án khai khoáng. Một cơ chế đầu tư đơn giản, mở rộng tín dụng ngân hàng cho tiểu nông và doanh nghiệp nhỏ sẽ góp phần giúp kinh tế Lào phát triển tốt. Chính phủ cũng cam kết sẽ hỗ trợ các nhà đầu tư. Dự kiến năm 2020 Lào sẽ không còn nằm trong số các nước kém phát triển nữa.

2. Các chỉ số kinh tế:

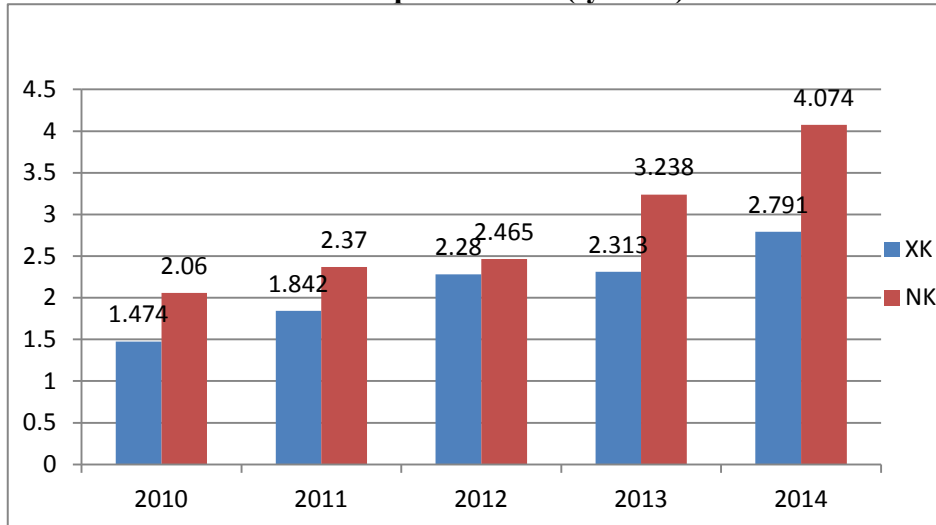
	2011	2012	2013	2014
GDP (ppp)	17.44 tỷ USD	19.16 tỷ USD (tăng 9.8%)	20.78 tỷ USD (tăng 9.8%)	34.48 tỷ USD



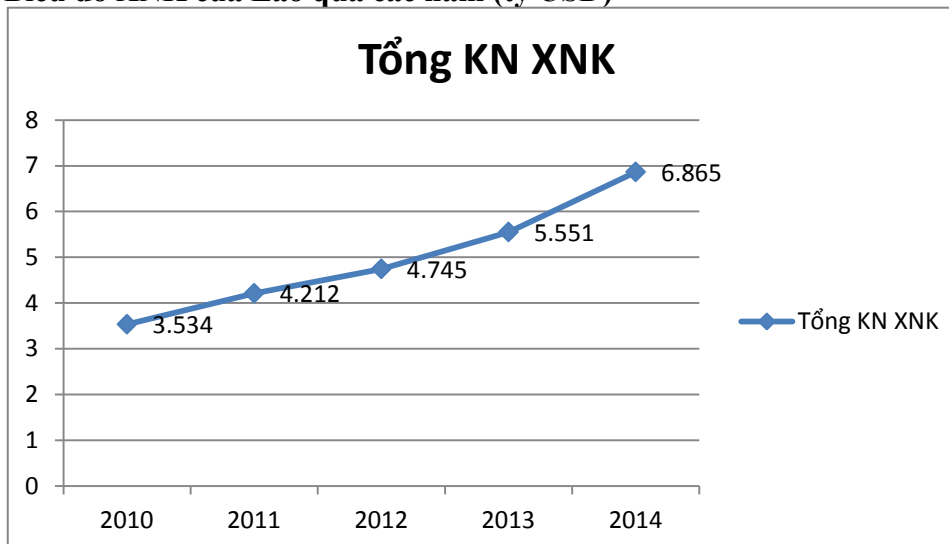
GDP (OER)	7.9 tỷ USD	9.269 tỷ USD (tăng 17.3%)	10.1 tỷ USD (tăng 8.9%)	11.71 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	8.3%	8.3%	8.3%	7.4% hạng 13 toàn cầu
GDP theo đầu người	2,700USD/người	3,000	3,100 USD/người	5,000 USD/người
GDP theo ngành	<p>Dịch vụ 44% Nông nghiệp 24% Công nghiệp 32%</p>			
Lực lượng lao động			3.373 triệu	3.445 triệu
Tỷ lệ thất nghiệp		1.3%		
Tỷ lệ lạm phát	7.8%	4.9%	6.5%	4.7%
Mặt hàng nông nghiệp	khoai lang, khoai tây, rau quả, ngũ cốc, cà phê, mía, thuốc lá, vải, chè, gạo, lạc, trâu nước, lợn, dê, gia cầm			
Các ngành công nghiệp	Đồng, thiếc, vàng, quặng, gỗ, điện, chế biến nông nghiệp, xây dựng, dệt may, xi măng, du lịch			
Tổng Kim ngạch XNK	4.212 tỷ USD	4.745 tỷ USD	5.551 tỷ USD (tăng 16.9%)	6.865 tỷ USD Tăng 24%
Kim ngạch xuất khẩu	1.842 tỷ USD	2.28 tỷ USD	2.313 tỷ USD (tăng 1.4%)	2.791 tỷ USD Tăng 21%
Mặt hàng chính	sản phẩm gỗ, cà phê, điện, thiếc, đồng, vàng			
Bạn hàng XK chính	Thái Lan 33%, Trung Quốc 25%, Việt Nam 12%			
Kim ngạch nhập khẩu	2.37 tỷ USD	2.465 tỷ USD	3.238 tỷ USD (tăng 31.6%)	4.074 tỷ USD Tăng 26%
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị, xe cộ, khí đốt, hàng tiêu dùng			
Bạn hàng NK chính	Thái Lan: 56%, Trung Quốc 26%, Việt nam 7%			



Biểu đồ XK và NK của Lào qua các năm (tỷ USD)



Biểu đồ XNK của Lào qua các năm (tỷ USD)



3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:

a/ Thuận lợi:

- Hai nước có quan hệ kinh tế và chính trị đặc biệt. Do đó Chính phủ Lào rất ủng hộ và ưu tiên các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh tại Lào.
- Việt Nam và Lào gần gũi về địa lý, do đó hoạt động trao đổi về kinh tế cũng như đi lại, xuất nhập khẩu hàng hóa, lao động giữa 2 nước rất thuận lợi.
- Đất nước Lào có nhiều tiềm năng mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác đầu tư như: thủy điện, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, chế biến nông lâm sản...
- Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam rải rác ở các miền của Lào, hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn.



b/ Khó khăn:

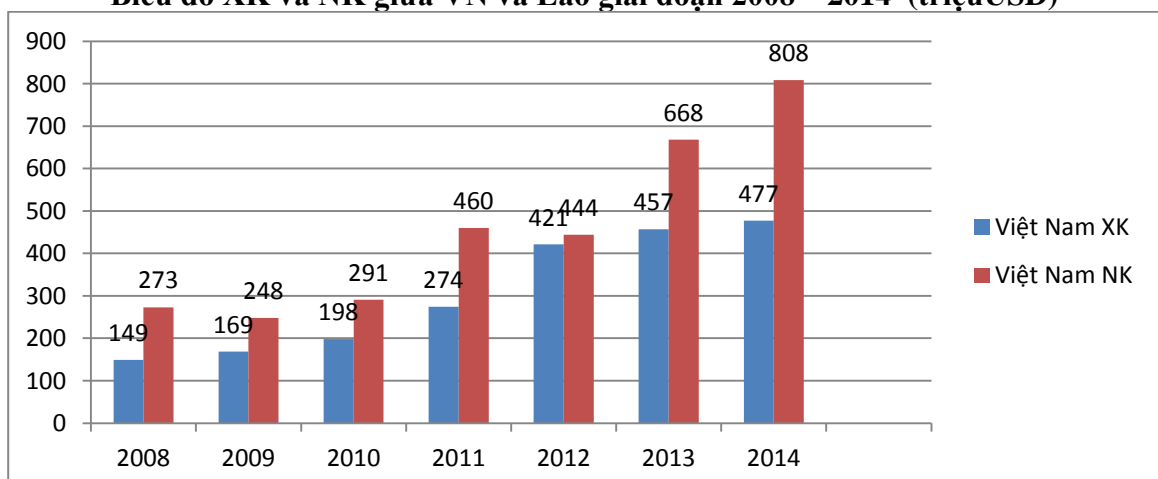
Nhìn chung, hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư của Lào đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện nên có nhiều thay đổi, không thống nhất, thiếu minh bạch và khó tiếp cận. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa linh hoạt, đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách. Nhìn chung, trao đổi về việc đầu tư ban đầu giữa doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền của Lào rất thuận lợi nhưng khi triển khai, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính, quy hoạch đất đai, sự thiếu nhất quán trong áp dụng chính sách, đặc biệt là các quy định do địa phương đặt ra và áp dụng ngoài các chính sách của nhà nước.

III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Hợp tác thương mại

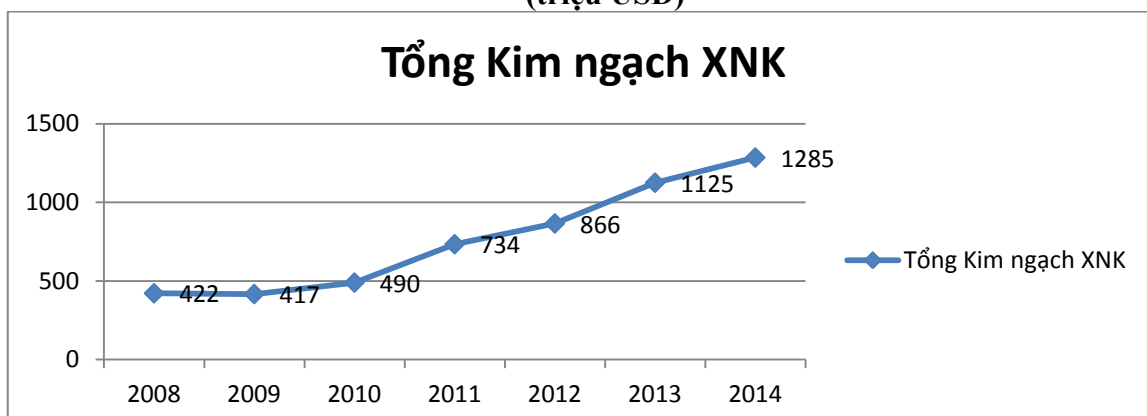
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Mức tăng XNK	XK VN chiếm
2008	149,774,568	273,082,039	422,856,607		35.3%
2009	169,314,362	248,511,194	417,825,556	-1.9%	40.5%
2010	198,432,242	291,747,486	490,179,728	17%	40.4%
2011	274,104,015	460,015,232	734,119,247	49%	37.3%
2012	421,395,210	444,705,066	866,100,279	18%	48.6%
2013	457,861,693	668,049,419	1,125,731,112	30%	40.6%
2014	477,222,388	808,098,440	1,285,320,828	14%	37%

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Lào giai đoạn 2008 – 2014 (triệuUSD)





Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Lào giai đoạn gần đây (triệu USD)



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 2014:

VN NK từ Lào	Giá trị (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2013
Gỗ và sản phẩm gỗ	601	30.94
Quặng và khoáng sản khác	40	42.86
Phân bón các loại	27	0.00
Kim loại thường khác	24	-48.94

VN XK sang Lào	Giá trị (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2013
Sắt thép các loại	90	-12.62
Xăng dầu các loại	78	-27.10
Phương tiện vận tải phụ tùng	57	35.71
Clanhke và xi măng	23	-12.62

2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào

Thoả thuận được ký kết tại kỳ họp thứ 24 của Ủy ban Liên chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật Việt Nam - Lào (diễn ra các ngày 14-15/1/2012 tại Viêng Chăn). Việt Nam sẽ viện trợ không hoàn lại 105 tỷ đồng cho Lào trong năm nay, tập trung vào các dự án giáo dục - đào tạo, nông - lâm nghiệp, thủy lợi và y tế. (Theo *Người Lao Động*)

Về đầu tư của ta sang Lào:

Mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam, tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang mở rộng đầu tư sang Lào. FDI của ta sang Lào tăng mạnh cả về số lượng dự án cũng như tổng giá trị đầu tư.

Tính đến hết năm 2011, FDI của Việt nam vào Lào đạt trên 3.4 tỉ USD. Riêng năm 2011 là 480 triệu USD. Các khu vực Trung và Nam của Lào thu hút tới 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78% tổng số dự án của ta đầu tư sang Lào.



Một số các dự án đầu tư lớn của Việt Nam sang Lào:

Nhà máy chế biến mủ caosu của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam. Nhà máy có công suất 24.000 tấn mủ mỗi năm; vùng nguyên liệu trên 10.000ha caosu, trong đó 1.642ha đã cho khai thác, tạo việc làm thường xuyên cho 3.000 lao động tại tỉnh Champasak, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Đài chuyển tiếp phát thanh-phát hình khu vực Paksong. Đây là công trình do Đài Truyền hình Việt Nam là chủ dự án bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Việt Nam, góp phần đưa chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Lào đến với các vùng sâu vùng xa, nâng cao đời sống nhân dân các tỉnh Nam Lào.

Những lĩnh vực có nhiều triển vọng hợp tác là sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, thuốc chữa bệnh, trồng trọt và một số hàng tiêu dùng khác.

Năm 2013, các doanh nghiệp VN đã đầu tư vào Lào 412 dự án với tổng vốn đầu tư 5,012 tỉ USD, thuộc nhóm dẫn đầu trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ có doanh nghiệp đầu tư tại Lào

FDI Lào vào VN:

Tính đến năm 2014, Lào có 8 dự án với tổng số vốn đăng ký gần 67 triệu USD. Xếp thứ 50 trong hơn 100 quốc gia và vùng Lãnh thổ có đầu tư vào VN, và xếp thứ 7 trong số các nước ASEAN. Riêng năm 2014 Lào không có đầu tư vào Việt Nam.

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Ngày càng khởi sắc và có hiệu quả hơn. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước năm 2008 đạt 423 triệu USD, tăng 35% so với năm 2007. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Lào năm 2011 đạt hơn 734 triệu USD. Hai bên phấn đấu đến năm 2015 đạt 2 tỷ, năm 2020 đạt 5 tỷ. Tháng 01/2009, hai bên đã ký Bản thoả thuận về ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào năm 2009; tiếp tục thực hiện miễn giảm thuế từ 0-50% đối với mặt hàng có xuất xứ của hai nước. Hoạt động đầu tư diễn ra sôi nổi, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã quan tâm tới thị trường Lào. Doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục được duy trì ở một trong 3 vị trí dẫn đầu về đầu tư tại Lào. Đầu tư của Việt Nam tại Lào thông qua nhiều loại hình hoạt động, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó đầu tư vào mỏ, năng lượng và nông nghiệp chiếm khoảng 75%.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

2. Quan hệ chính trị:



Hai bên đã trao đổi nhiều chuyên thăm cấp cao và các cấp ngành, địa phương; đặc biệt là các chuyên thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Chum-ma-ly Xay-nha-xôn 19-22/6/2006; chuyên thăm hữu nghị chính thức Lào của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh 10-13/10/2006 đã mở ra thời kỳ mới cho quan hệ hai nước sau khi cả hai nước kết thúc thắng lợi Đại hội Đảng ở mỗi nước. Tần suất các chuyên thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước từ sau Đại hội Đảng ở mỗi nước năm 2006 đến nay ngày càng cao: tất cả các đồng chí lãnh đạo hai nước đã sang thăm chính thức lẫn nhau. Gần đây nhất, trong chuyên thăm hữu nghị chính thức CHDCND Lào của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào 9/9/2011, hai Chính phủ thể hiện mong muốn phối hợp chuẩn bị tốt các hoạt động của Năm đoàn kết hữu nghị Việt-Lào, đưa năm 2012 trở thành một mốc son trong quan hệ Việt-Lào.

3. Các văn kiện đã ký:

- Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-Lào 18/7/1977.
- Hiệp ước hoạch định biên giới 1977.
- Hiệp định lãnh sự 1985.
- Hiệp định về quy chế biên giới 1990.
- Hiệp định hợp tác kinh tế-văn hóa-khoa học kỹ thuật 1992-1995, 02/1992
- Hiệp định về kiều dân 01/4/1993.
- Hiệp định quá cảnh hàng hóa 23/4/1994.
- Hiệp định hợp tác lao động 29/6/1995.
- Hiệp định hợp tác KT-VH-KHKT 1996-2000, 14/01/1996
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư 14/01/1996.
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần 14/01/1996.
- Hiệp định Vận tải đường bộ 26/02/1996.
- Hiệp định về trao đổi nhà trụ sở và nhà ở của cơ quan đại diện 01/4/1996.
- Hiệp định về hợp tác nông lâm và phát triển nông thôn năm 1997 và giai đoạn 1998-2000, 12/8/1997.
- Hiệp định bổ xung và sửa đổi quy chế biên giới 8/1997
- Hiệp định hợp tác Thương mại và du lịch 3/98
- Hiệp định Quy chế tài chính và quản lý các chương trình dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của CP Việt Nam dành cho CP Lào 3/98
- Hiệp định tương trợ tư pháp 6/7/98
- Hiệp định hợp tác chống ma túy 6/7/98
- Hiệp định hợp tác về năng lượng-điện 6/7/98
- Bản thoả thuận Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam - Lào giai đoạn 2001-2010 (6/02/2001)



- Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam- Lào thời kỳ 2001-2005 (6/02/2001)
- Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam - Lào trong năm 2001 (6/02/2001)
- Hiệp định tín dụng xây dựng đường 18B (tháng 7/2001)
- Thoả thuận giữa Việt Nam và Lào về Quy chế sử dụng cảng Vũng áng(tháng 7/2001)
- Nghị định thư sửa đổi, bổ sung Hiệp định vận tải đường bộ ký ngày 24/02/1996 (tháng 7/2001)
- Nghị định thư 2001 thực hiện Hiệp định đường bộ sửa đổi (tháng 7/2001)
- Hiệp định hợp tác về kinh tế, văn hoá, KHKT giữa hai Chính phủ năm 2002 (01/2002)
- Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ giữa 2 nước (01/2002)
- Thoả thuận về cơ chế tài chính và quản lý dự án sử dụng viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào (01/2002)
- Hiệp định hợp tác về kinh tế, văn hoá, KHKT giữa hai Chính phủ năm 2003 (01/2003)

Ngoài ra hai bên đã ký một số hiệp định hợp tác về du lịch, hàng không; Cơ chế chung về hợp tác kinh tế văn hóa KHKT; Cơ chế thanh toán; Cơ chế đào tạo cán bộ; Cơ chế quản lý về thương mại, du lịch; Thỏa thuận về hợp tác chuyên gia; Thỏa thuận về quản lý thuế quan đối với hàng hóa và phương tiện quá cảnh và phối hợp chống buôn lậu ở biên giới hai nước; Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tài chính Lào và Tổng cục hải quan Việt Nam.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Quốc gia Lào LNCCI vào tháng 11 năm 2000, tại Hà Nội.

VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Lào:

Địa chỉ: No. 85, 23 Singha Road, Saysettha Dist., Vientiane
 Điện thoại: 990994, 85, 87,86 | Fax: 413 379, 413 6720
 Code: 00-856-21 | email: vnemba.la@mofa.gov.vn |
 website: <http://www.mofa.gov.vn/vnemb.la>

Đại sứ: Nguyễn Mạnh Hùng

Công sứ: Lương Quốc Huy

Tham tán Thương mại : Trần Bảo Giám

Tel : 856 21454742

F : 856 21454743

Email : la@moit.gov.vn, vietrade@laotel.com



❖ **Đại sứ Quán Lào tại Việt Nam**

Đ/c: 22 Trần Bình Trọng, HBT, HN
Tel: 39424576 | Fax: 38228414
Website: <http://www.embalaohanoi.gov.la/>

Đại sứ: Bà Soonthorn Xayachack
Tham tán Thương mại: Ông Somevang Ninthavong
Tùy viên: Ông Phutsakhon Sengmaniphon

❖ **Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Savanakhet:**

Địa chỉ: 418 Si-sà-vàng-vông, Mường Khăn-tha-bu-li, Savanakhet
Điện thoại: 212 418 Fax: 212 182
Code: 00-856 – 41

❖ **Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Paksé:**

Địa chỉ: 31 Ban Pha Bạt, Paksé
Điện thoại: 212 058 | Fax: 212 827
Code: 00-856 – 31

❖ **Laos National Chamber of Commerce and Industry (LNCCI)**

74 Inpeng Street, Vatchan, Chanthabury District
P.O.Box: 4148, Vientiane Lao PDR
Tel: 856-212823; +856-261668. Fax: 856-21241062

LNCCI, Foreign Relation Division

Kayson phomvihane Ave., Ban Phonphanao Saysettha District, Vientiane Capital, Lao PDR; P.O.Box: 4596
Tel: (+856 - 21) 453 312-115, 452 579 Fax: (+856 - 21) 452 580
Email: lncci@laopdr.com

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

- * Website [CIA – The World Factbook](#)
- * Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)
- * Website [Tổng cục Thống kê Việt Nam](#)
- * Website [Tổng cục Hải quan Việt Nam](#)



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2014

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
LÀO			50.908.832		477.222.388
Hàng rau quả	USD		1.049.021		9.373.336
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		432.340		3.867.419
Clanhke và xi măng	Tấn	39.806	3.438.734	276.354	23.109.124
Than đá	Tấn	8.466	849.059	121.411	12.331.769
Xăng dầu các loại	Tấn	9.809	7.410.367	83.407	78.430.712
Phân bón các loại	Tấn	1.166	670.154	31.424	13.659.808
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.843.298		17.538.576
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		237.091		3.818.753
Hàng dệt, may	USD		516.655		10.164.858
Sản phẩm gốm, sứ	USD		632.132		5.851.410
Sắt thép các loại	Tấn	15.046	11.601.154	120.339	90.753.212
Sản phẩm từ sắt thép	USD		2.254.706		18.580.633
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		233.667		2.766.273
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		2.104.630		21.675.539
Dây điện và dây cáp điện	USD		1.126.070		9.408.344
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		4.363.987		57.701.926
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		165.542		1.706.593



Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2014

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
LÀO			55.245.808		808.098.440
Ngô	Tấn	650	180.000	11.156	3.005.520
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	60.916	3.219.503	699.773	40.740.603
Phân bón các loại	Tấn	10.187	2.626.995	98.138	27.280.080
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		32.776.057		601.391.052
Kim loại thường khác	Tấn	115	216.300	3.658	24.781.333